TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 25 – 7 – 2022
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: bà Phạm Thị Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn An.

Ông Nguyễn Văn Rất.

- Thư ký phiên toà: bà Nguyễn Thị Thu Trang – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: bà Lê Huỳnh Như Nguyện – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 34/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2022 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: chị **T. T. M**, sinh năm 1989; địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: khu phố AT, phường AH, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; địa chỉ nơi cư trú: khu phố PH, phường GB, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

- *Bị đơn*: anh **Đ. K. L**, sinh năm 1989; địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú và địa chỉ nơi cư trú: khu phố AT, phường AH, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị T. T. M trình bày:

Chị và anh Đ. K. L chung sống với nhau từ năm 2009, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn năm 2010 tại Uỷ ban nhân dân xã Gia Bình, huyện Trảng Bàng (nay là phường Gia Bình, thị xã Trảng Bàng), tỉnh Tây Ninh. Sau khi cưới, chị và anh L sống chung với cha mẹ chồng tại khu phố AT, phường AH, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Anh, chị chung sống hạnh phúc đến

năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do anh L ham mê bài bạc, không quan tâm, chăm sóc vợ con, không chia sẻ kinh tế gia đình với chị và có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Chị đã góp ý, khuyên nhủ nhưng anh L không thay đổi nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, bất hoà. Đến khoảng giữa năm 2021, anh L chuyển ra ngoài thuê nhà trọ sinh sống, thỉnh thoảng mới về nhà thăm vợ con. Chị đã cho anh L thời gian để chấm dứt mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nhưng anh L không thực hiện được nên tháng 5/2022 chị cũng đưa con về nhà cha mẹ ruột ở. Từ lúc vợ chồng sống ly thân đến nay anh L vẫn tiếp tục mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, không có thiện chí hàn gắn tình cảm, nay chị cũng không còn yêu thương và tin tưởng anh L về tình cảm nên chị yêu cầu được ly hôn với anh L.

Về con chung: chị và anh L có 02 con chung tên Đ. M. L, sinh ngày 03/5/2011 và Đ. Đ. L, sinh ngày 07/3/2014, hiện đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – anh Đ. K. L đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, triệu tập tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ cũng như tham gia phiên toà xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Riêng bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, không thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự, làm cho việc giải quyết vụ án kéo dài, vi phạm quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: căn cứ các điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị T. T. M đối với anh Đ. K. L. Về con chung, giao cháu Đ. M. L, sinh ngày 03/5/2011 và Đ. Đ. L, sinh ngày 07/3/2014 cho chị M tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, ghi nhận chị M không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không đặt ra giải quyết. Chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến, yêu cầu của nguyên đơn và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Đ. K. L đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên toà xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh L là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị M, anh L chung sống từ năm 2009, do tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn. Vì vậy, hôn nhân của anh, chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị M trình bày chị và anh L chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do anh L ham mê bài bạc, có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, không quan tâm, chăm sóc vợ con. Chị đã cho anh L cơ hội để khắc phục khuyết điểm nhưng anh L không thực hiện được dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2022 cho đến nay. Mặc dù chị M không cung cấp được chứng cứ chứng minh anh L có hành vi ngoại tình nhưng quá trình thu thập chứng cứ thể hiện, giữa chị M và anh L có xảy ra mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc, anh L tham gia đánh bài, thiếu nợ dẫn đến cha mẹ anh L phải đứng ra trả nợ thay cho anh L. Cha ruột anh L là ông Đ. V. D cũng trình bày, chị M nghi ngờ anh L có người phụ nữ khác nên vợ chồng có xảy ra cãi vả, xô xát, thực tế, anh L có người phụ nữ khác hay không ông không biết. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị M và anh L là có thật và mâu thuẫn của anh, chị cũng đã được cha mẹ đứng ra khuyên can, hoà giải nhưng anh, chị vẫn không hàn gắn tình cảm được. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt tại các buổi làm việc, vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cũng như phiên tòa xét xử sơ thẩm. Điều này chứng tỏ anh không có thiện chí đoàn tụ, không còn tôn trọng và quan tâm đến quan hệ vợ chồng giữa anh và chị M. Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa anh L và chị M không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, do đó, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: anh, chị chung sống có 02 người con chung tên Đ. M. L, sinh ngày 03/5/2011 và Đ. Đ. L, sinh ngày 07/3/2014, hiện đang sống chung với chị M. Xét yêu cầu được nuôi con của chị M thấy rằng, cháu L và cháu L đang sống ổn định với chị M và qua tham khảo nguyện vọng của cháu L và cháu L thì 02 cháu cũng có nguyện vọng được sống cùng với chị M. Do đó, cần giao cháu L và cháu L cho chị M tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị M không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở anh L thực hiện quyền này.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: chị M không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các điều 56, 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị T. T. M đối với anh Đ. K. L. Chị T. T. M được ly hôn với anh Đ. K. L.

2. Về con chung: giao cháu Đ. M. L, sinh ngày 03/5/2011 và Đ. Đ. L, sinh ngày 07/3/2014 cho chị T. T. M tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị M không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: chị M không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về án phí: chị M phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0026491 ngày 16 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, ghi nhận chị M đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: chị M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Anh L được quyền được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- TAND T.Tây Ninh;
- VKSND TX. Trảng Bàng;
- Chi cục THADS TX. Trảng Bàng;
- Ủy ban nhân dân phường DB;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Các đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Thị Yến